

Số: /TB-STNMT Kon Tum, ngày tháng năm 2019

THÔNG BÁO

Công khai giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ tại tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND, ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Phương án giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ tại tỉnh Kon Tum;

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum Thông báo công khai về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định, cụ thể như sau :

1. Đối tượng áp dụng:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng đo đạc, lập bản đồ địa chính theo quy định của pháp luật, thực hiện cung ứng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính.
- Các tổ chức; hộ gia đình cá nhân khi có nhu cầu đo đạc, lập bản đồ địa chính, được cung ứng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính.

2. Mức giá dịch vụ:

Mức giá dịch vụ theo Thông báo này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định khi thực hiện cung ứng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính theo từng nhu cầu cụ thể (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

3. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng đo đạc, lập bản đồ địa chính thực hiện cung ứng dịch vụ có trách nhiệm sử dụng hóa đơn, chứng từ, quản lý thu, chi, thực hiện nghĩa vụ về thuế, các nghĩa vụ tài chính khác (*nếu có*) theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Khi có sự biến động tăng (*giảm*) các yếu tố chi phí; sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ lập phương án điều chỉnh giá cho phù hợp với tình hình thực tế trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đồng thời, sẽ Thông báo công khai (*kể cả niêm yết*) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sở Tài nguyên và Môi trường Thông báo cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND các huyện; thành phố(P/h);
- TT CNTT TN&MT (Đăng tin) ;
- Niêm yết tại Trụ sở Sở TN&MT;
- Niêm yết tại Trụ sở CN VPĐKĐĐ các huyện, TP;
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Hạnh

PHỤ LỤC

Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ tại tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày /8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: đồng

Diện tích đất được giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích	Giá dịch vụ đo đạc, lập bản trích đo địa chính thửa đất (đồng/thửa)				
	Đất đô thị	Đất ngoài khu vực đô thị			
		Phụ cấp khu vực 0,3	Phụ cấp khu vực 0,4	Phụ cấp khu vực 0,5	Phụ cấp khu vực 0,7
Thửa < 100 m ²	2.511.332	1.712.489	1.746.545	1.780.601	1.848.713
Thửa từ 100m ² - 300 m ²	3.069.405	2.115.043	2.155.484	2.195.926	2.276.809
Thửa từ > 300 m ² - 500 m ²	3.253.186	2.249.120	2.292.222	2.335.324	2.421.529
Thửa từ > 500 m ² – 1.000 m ²	3.984.842	2.739.510	2.791.925	2.844.339	2.949.167
Thửa từ >1.000 m ² – 3.000 m ²	5.470.386	3.754.406	3.826.243	3.898.080	4.041.754
Thửa từ > 3.000 m ² – 10.000 m ²	8.400.477	5.788.538	5.899.220	6.009.902	6.231.266
Thửa từ > 01 - 10 ha	10.080.572	6.946.246	7.079.064	7.211.883	7.477.520
Thửa từ > 10 - 50 ha	10.920.620	7.525.100	7.668.986	7.812.873	8.100.646
Thửa từ > 50 - 100 ha	11.760.668	8.103.954	8.258.908	8.413.863	8.723.773
Thửa từ > 100 - 500 ha	13.440.763	9.261.661	9.438.752	9.615.844	9.970.026
Thửa từ > 500 - 1.000 ha	15.120.859	10.419.369	10.618.596	10.817.824	11.216.279

Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.